

# Sống Thời Đại và Tinh Thần Đức Phật

Bùi Mộng Hùng

Chính vào những giai đoạn xáo trộn biến động như hiện nay, con người phân vân trước cuộc sống bao nhiêu thì nhu cầu xét lại từ gốc rễ nguồn căn làm cơ sở cho hành vi ứng xử của mình, của xã hội lại càng bức thiết bấy nhiêu. Phật giáo là một trong số không nhiều lắm truyền thống cơ bản cho nhiều nền văn hoá của một bộ phận rộng lớn nhân loại. Trong thời điểm mà những vấn đề văn hoá đang vấn nạn toàn thể loài người, vào chính lúc dân tộc Việt Nam ta bước vào một giai đoạn quyết định cho vận mạng của mình, xét lại một yếu tố căn bản trong truyền thống dân tộc như Phật giáo trước thách thức của thời đại là một việc không thể tránh né được.

Bài này (I) phác họa nét trội của cuộc khủng hoảng văn hoá thời đại, (II) xét vài điểm đặc trưng làm cho giáo lý nhà Phật thích ứng với nhu cầu của ngày nay. Và cuối cùng (III) nêu lên vài điều căn bản để cho Phật giáo khai triển trí tuệ và tri thức đã tích lũy từ hơn hai nghìn năm nay, góp phần mình vào công cuộc xây dựng một nền văn hóa hiện đại.

## I. Thời đại con người trở về thân phận làm người

Một nét thời đại là các hệ trí thức xưa nay vững lòng tin rằng mình nắm phần chân lý, con người đời này truyền lại đời khác, bám vào đấy, an tâm mà sống với mình, với người, với vạn vật, bị lung lay đến tận gốc rễ, nếu không là hoàn toàn sụp đổ. Khởi điểm không phải là mới gần đây. Những dấu hiệu đầu tiên xuất hiện từ thời đại Phục hưng, thế kỷ thứ XV, XVI, đưa dần tới sự hình thành của khoa học, của tư duy ngày nay. Ta thường cho rằng là phát minh này hay phát minh nọ làm cho khoa học mâu thuẫn với các hệ tôn giáo, tư tưởng cổ truyền. Không hẳn như vậy. Vì lẽ rằng không một phát minh khoa học nào có khả năng giải đáp các câu hỏi căn bản tôn giáo nêu lên, mà ngược lại tín ngưỡng có thể tiếp thu bất cứ phát minh khoa học nào vào tư tưởng của mình không mấy khó khăn lắm. Sự xung khắc cơ bản thật ra nằm trong tinh thần nghi ngờ có hệ thống, không tin theo một thuyết nào nếu nó chưa trải qua thẩm định của thực nghiệm. Trong tinh thần này, không một giáo lý nào, một hệ tư tưởng nào nắm chân lý vĩnh hằng. Mà chỉ có những giả thuyết luôn luôn phải chuyển biến cho phù hợp theo những dữ kiện do chính nó sản xuất ra. Tính chân thực của giả thuyết không dựa vào những gì nó phát hiện được mà tùy theo vấn đề nó có "vận hành" trong quy trình hay không.

Suốt nhiều thế kỷ, xã hội đã không ngừng chuyển biến đến gốc rễ, các vấn đề thời đại không ngớt nổi lên, vấn nạn tri thức con người. Riêng một cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ thứ 19 cũng đủ thay đổi hoàn toàn bộ mặt toàn cầu. Và đảo lộn cả nhận thức. Truyền thống bao lâu tin rằng chính là tri thức, đạo lý soi sáng và điều khiển hoạt động của con người, nay bị lung lay trước hiện thực chẳng giản đơn một chiều theo lối nhìn đó: Tư duy vào đạo lý hướng dẫn hoạt động của con người thật, nhưng ngược lại hoạt động sản xuất chính là một nhân tố quy định tư duy, đạo lý trong xã hội loài người. Từ địa vị đứng trên cao siêu mà hướng dẫn, đạo lý rơi xuống ngang tầm với con người, giữa xã hội. Các giá trị "chân", "thiện", "mỹ" không còn được quy định do uy tín của một chân lý bên ngoài một cá nhân vĩ đại nào, mà thực ra là bởi xã hội, như một tổng thể trong nhu cầu vận động không ngừng chuyển biến của nó. Dù muốn dù không, con người phải tìm quy tắc hướng dẫn đời sống của mình không đâu ngoài cộng đồng con người, ngoài xã hội.

Nhà tư tưởng lớn thế kỷ thứ 19 Hegel quay lại nhìn lịch sử như một giòng tiến hoá. Ý nghĩa của sự tiến triển, của vận động lịch sử sẽ biểu lộ nơi điểm tận cùng của lịch sử. Marx tin rằng đấu tranh giai cấp là động cơ của giòng lịch sử ấy và đây là một phát hiện căn bản của mình tìm ra. Con người làm ra lịch sử, có khả năng gia tốc lịch sử bằng cách tác động theo chiều hướng của động cơ. Cách nhìn của Marx là một yếu tố gây niềm hy vọng lớn cho một phần nhân loại: lịch sử có ý nghĩa và sẽ tất nhiên đi đến điểm tận cùng của nó. Hành động trong hướng đi của lịch sử là hành động vô cùng ý nghĩa của những con người ý thức được sự thật lịch sử. Rồi, trong vòng mấy thập kỷ giữa thế kỷ hai mươi này, con người bừng mắt phát hiện ra rằng mình có khả năng phát động những quy trình tác động gần như không giới hạn vào thế giới thiên nhiên: con người làm chủ được nguyên tử lực là trong tay có năng lực thừa sức làm nổ tung quả địa cầu. Và vào thế giới con người : một thế lực có thể áp đặt những tiền đề giả tạo đối trá vô nhân, miễn là thế lực ấy biết hành động một cách liên tục và gắn bó có hệ thống với những tiền đề đã định, thì rồi cũng tạo thành hiện thực những mẫu xã hội

kiểu hệ thống toàn trị nazi hay các hệ ít nhiều toàn trị khác. Uy lực tác động của con người vào thế giới loài người, vào thế giới thiên nhiên chưa bao giờ đạt mức độ khủng khiếp như hiện nay.

Trong khi đó, khoa học càng hiểu thiên nhiên thêm sâu sắc lại càng ý thức rõ rệt rằng giải đáp mình đem lại chỉ là đáp từ cho những câu hỏi của con người đặt ra và tùy thuộc cách đặt câu hỏi. Đi tìm hiểu thiên nhiên - không phải là mình mà cũng chẳng phải do mình tạo ra - rốt cuộc con người gặp lại những cấu trúc, những mô hình do mình tạo nên, nghĩa là gặp lại chính mình. Và cũng bắt đầu thấy ra giới hạn của tính tất định trong khoa học. Như đã chứng minh trong khoa dự đoán khí tượng : bướm vỗ cánh ở Bắc Kinh hôm nay, có thể gây giông tố tại Nữu Uớc tháng sau. Sự kiện lịch sử những năm gần đây lại càng cho thêm thấm thía rằng tính tất định lịch sử thật ra chẳng nghiêm ngặt gì hơn chuyện nắng mưa. Tất định lịch sử không còn, tự do cá nhân bỗng nói rộng ra thêm. Mỗi người có thể tự nhủ rằng cánh bướm mình vỗ lên có khả năng lái lịch sử chệch qua hướng khác. Nhưng khi ấy chợt nổi lên, không giải đáp, câu hỏi ý nghĩa hướng đi lịch sử là gì ?

Dù muốn dù không, một lúc nào đó trong đời sống, con người thời đại cũng bị thực tại xô đẩy, buộc quay về đối diện với thân phận làm người của mình. Và lúc ấy rùng mình nhận ra rằng, về căn bản, cung cách ứng xử của mình chẳng mấy khác người trung cổ. Bạo tàn man rợ khác nào khi xưa. Những sự kiện xảy ra như ở Bosnie ngày nay buộc ta phải suy nghĩ.

Chỉ có điều khác là con người thời đại nắm trong tay những phương tiện sinh sát sánh tày Thượng Đế. Đem vào sử dụng lại có phương pháp tổ chức, máy móc lạnh lùng, nhưng vô cùng hữu hiệu của đại công nghiệp. Người thời đại vẫn nhỏ bé chẳng khác người trung cổ, khi khoắc khoải tự vấn trước mệnh mang cuộc sống. Nhưng, quay đi quay lại chỉ mình với mình. Không nơi nương tựa, thiếu đuốc soi đường mà người trung cổ sẵn có chỉ việc tuân theo.

## **II Con đường Như Lai**

### **1. Một giáo lý nhân bản, một quan điểm "động" trong nhận định**

Đức Phật còn có danh hiệu Như Lai nghĩa là sự việc ra sao thì thấy y như vậy, không bị lăng kính ảo tưởng làm méo mó. Đối tượng của lời Như Lai dạy không ai khác là con người, trần trụi với thân phận làm người. Người ấy không khỏi có lúc trầm ngâm trước giòng sông, nước luân lưu chảy: mọi việc biến chuyển không ngừng, điều mà ai ai cũng nhận ra dễ dàng. nhưng thường không suy xét xa hơn, và, nếu có thì cũng ngừng ở nhận định : ta nhìn, ta tư duy hiện hữu (je pense , donc je suis). Cách nhìn theo đức Phật không phủ định tính hiện hữu của "cái ta", của "chủ thể" trong giây phút quan sát giòng sông "khách thể". Chỉ nhắc nhở rằng, nếu khách thể biến chuyển không ngừng thì chủ thể nào có khác chi, cũng không ngừng biến đổi. Trầm ngâm giây phút trước giòng sông đã chẳng là một biến chuyển nơi chủ thể rồi hay sao.

Nói rộng ra, quan hệ con người chủ thể với thế giới khách thể là một quan hệ động, trong đó khách, chủ đều động. Không hề có một chủ thể tĩnh trước khách thể biến động. Điều đó thuật ngữ nhà Phật gọi là "vô ngã", "vạn pháp vô ngã" mọi sự việc đều vô ngã. Và dùng thuật ngữ "không" để chỉ bản tính không ngừng biến chuyển của sự vật, "vạn pháp giai không". Đem nghĩa thông thường của từ "không" gán cho thuật ngữ dòng âm làm sai lạc ý nghĩa quan điểm nhà Phật. Hiện thực luôn luôn biến động, nhưng nào phải vì vậy mà hư không! Phật giáo quan niệm sự vật không biến chuyển do ngẫu nhiên. Nó có nguyên nhân và điều kiện. Hạt là "nhân", gieo xuống đất, gặp đủ điều kiện nhiệt độ, ẩm ướt sẽ nảy thành cây. Thuật ngữ gọi đó là "nhân duyên".

### **2. Một giáo lý cho hành động, nơi đây và ngay bây giờ**

Chủ thể, khách thể liên hệ nhân duyên với nhau, chẳng chặt rời rắm chẳng khác mớ bong bóng. Trong môi trường dao động như nước chảy giòng sông, chủ thể ngồi im hay cử động cũng đều tác động vào môi trường, nghĩa là hành động. Đặc điểm của hành động là chủ thể biết và quyết định, nghĩa là có phần tự do làm chủ được khởi điểm. Nhưng khi đã phát động rồi, hành động tác động vào môi trường, phản hồi lại chủ thể ra sao là những việc phần lớn vượt ngoài ý chí. Con người trong giây phút hiện thực là một điểm động, là hệ quả của hành động bản thân, của tác động môi trường bao quanh, của các thế hệ sinh trước. Ngược lại, với hành động do mình khởi xướng, cá nhân ấy cũng tác động vào thế giới này, vào thế hệ mai sau... Thuật ngữ "nghiệp" của nhà Phật dùng để chỉ tác động và hệ quả của hành động. Con người cá nhân tạo ra "biệt nghiệp"

riêng của chính mình, nhưng cũng tác động vào và chịu ảnh hưởng "cộng nghiệp" chung của xã hội. Khái niệm "nghiệp" đặt vai trò và vị trí của mỗi cá nhân trong vũ trụ, trong dòng tiến hoá của sinh vật, trong nhân loại hôm qua, ngày nay và mai sau.

Qua hành động, mà không ai tránh né được, cái "nghiệp" ràng buộc nhân duyên mỗi cá nhân với toàn thể loài người, toàn thể sinh vật. Mỗi liên đới đó, hệ giáo lý Bắc tông khai triển ra khái niệm "bồ tát nguyện", còn sinh vật trôi nổi trong vòng khổ đau thì bồ tát nguyện nâng đỡ. Vì nghĩ cho cùng, liên đới nhân duyên ràng buộc với nhau, làm sao quan niệm một mình một chốn thảnh thơi được.

Quan niệm quan hệ trong cuộc sống đã không ngừng biến đổi lại ràng buộc với nhau do hành động của các tác nhân, giáo lý nhà Phật có thể là gì khác ngoài một giáo lý cho hành động, trong cuộc sống nơi đây và ngay bây giờ. Và chính nhờ căn cứ vào hành động, vào "nghiệp", đạo Phật mới đưa con người từ tối tăm trật vuột mò mẫm nắm bắt ảo ảnh, thuật ngữ gọi là "vô minh", đến trí tuệ hoà hợp hồn nhiên chủ thể với khách thể được. Cho rằng đạo Phật yếm thế, trốn đời là lầm to. Vì hành động là tất yếu trong quan hệ không ngừng biến động giữa con người với thế giới xung quanh.

Vấn đề đặt ra là chủ thể với khách thể có thích ứng hài hoà với nhau hay không.

### 3. Một con đường giải phóng trí tuệ soi sáng hành động

Bản tính động chất chứa tiềm năng làm cho quan hệ chủ và khách khó ăn khớp, hài hoà với nhau. Nhà thơ than:

*Yêu là chết trong lòng một ít  
Cho thì nhiều nhưng chẳng nhận bao nhiêu...  
Yêu nhau thấm thiết, niềm vui lớn.*

Nhưng chính vì yêu mà cho, nhận cả hai người yêu nhau không bao giờ được hoàn toàn vừa lòng. Nhà Phật không phủ nhận những niềm vui cuộc sống, chỉ nhắc nhở rằng bên cái vui, trong quan hệ chủ thể với khách thể luôn luôn có những điều làm cho mình không được thỏa mãn. Thuật ngữ nhà Phật gọi những khổ đau, những tiềm lực làm cho con người bất mãn trong cuộc sống là "khổ". Chỉ là một nhận định duy thực. Nhận định thế, để khẳng định ngay rằng có con đường vượt "khổ", đem lại an lành. Con đường bỏ rơi ảo tưởng, sự vật ra sao thì nhìn thấy như vậy, hài hoà quan hệ chủ thể và khách thể trong biến động không ngừng của nó. Đó chính là "đạo" mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã bản thân thể nghiệm. Và cũng khẳng định rằng đã là người, thì không phân biệt trai gái, sang hèn, màu da sắc tộc, bất cứ ai ai cũng đều tiềm tàng đầy đủ khả năng của đức Phật, con người đã trọn vẹn thể hiện "đạo" ấy.

- Phật chỉ nhấn nhủ mỗi người chúng ta chính mình thể nghiệm. Không một ai có thể làm thay mình được, đức Phật cũng chỉ là người chỉ đường.
- Mỗi cá nhân là một trường hợp duy nhất, con đường cũng phải thích nghi với tính duy nhất của mỗi người. Nhà Phật hằng hà phương tiện.

Nguyên tắc chung, chúng ta gặp ngay trong câu phật tử thường chúc nhau được "thân tâm an lạc". Phương pháp nhà Phật chú trọng cả thể xác lẫn tâm thần, đến tác động qua lại vòng tròn của chúng. Thân an lặng thì lòng yên, tâm yên tĩnh thì thân thêm thư giãn thoải mái. Cứ thế mà thân tâm liên tục ảnh hưởng lẫn nhau đưa đến trạng thái tĩnh lặng, thuận lợi để quán xét, ý thức tinh tường những gì đang xảy ra trong mình xung quanh mình. Chính sự ý thức rõ rệt những gò bó trong thân xác, những thể thức dục vọng nổi lên rồi tan đi trong thân tâm là cơ sở để chủ động thư giãn toàn thân, để cho dục vọng không bị đè nén mà nhạt thưa dần. Lửa lụi tàn vì củi không còn. Cứ như thế mà các nhân tố tạo thiên kiến, thành kiến rơi rụng. Mâu thuẫn tan dần, tự do nội tâm phát triển. Thân và tâm ứng dụng tự tại sẵn sàng tập trung vào hiện tượng bên trong, bên ngoài, để tiếp nhận và phản ứng hồn nhiên, thích nghi, không lệch lạc, thái quá hay bất cập.

Khi ảo tưởng hoàn toàn rơi rụng hết, sự việc thế nào nhận thức y như thế, chủ thể và khách hòa hợp thích ứng với nhau. Một trạng thái siêu việt các cặp đối lập ta - người, chủ - khách, tri thức - hành động, thiện - ác, luân hồi - niết bàn... thời gian trong đó là hiện tại, vĩnh hằng.

Đó là ý nghĩa lời Long Thọ bồ tát (150? - 250?) khẳng định "Niết bàn là luân hồi, luân hồi là niết bàn"(Nagarjuna, Madhyamika - Karika, XXV, 19). Đó là lý do nhà Nho thẩm nhuần tinh thần Thiên tông Vương Dương Minh (1472- 1529) xướng thuyết "tri hành hợp nhất". Chỉ có bậc hoàn toàn giác ngộ mới hợp nhất được tri và hành, siêu việt được đối lập biết và làm. Nhưng cuộc sống luôn luôn đặt chúng ta trước một chọn

lựa để hành động. Thế nào cho phải, đó là vấn đề. Giáo lý nhà Phật đề nghị các phương thức giúp ta sáng suốt nhận thức và hành động. Mấy câu kinh Pháp Cú mà rất nhiều người thuộc nằm lòng nhắc nhở điều ấy:

**Chư ác mạc tác  
Chư thiện phụng hành  
Thanh tịnh kỳ ý  
Thị chư Phật ngôn**

(Không làm điều ác,  
Làm mọi việc lành,  
Thanh tịnh tâm ý,  
Ấy lời chư Phật)

Phân biệt phải, quấy, đạo Phật không đặt nơi một uy quyền ngoài con người. Lúc chọn lựa hành động bao giờ chẳng chỉ có mình với mình. Cái "lương tri" của tâm ý thanh tịnh trong sáng là bảo đảm duy nhất cho tính đúng đắn của chọn lựa ấy. Tất cả giáo lý nhà Phật, lý thuyết, và thực hành chỉ nhằm dạy cho người hành đạo đang lặn hụp trong bất cứ điều kiện nào, tâm ý vẫn tĩnh lặng trong sáng. Con người thời đại đã đạt tri thức vô cùng cao xa, nhưng lương tri không tương xứng. Đào tạo một "lương tri khác" là tiềm năng quý báu mà giáo lý nhà Phật có khả năng góp vào công cuộc xây dựng nền văn hoá một thời đại khác khoải đi tìm lương tri cho chính mình với cái vốn tích lũy trên hai mươi thế kỷ tri thức lý thuyết và thực hành của mình.

### **III. Chí khí ngất trời xanh**

#### **1. Xác định năng chức**

Sức sống của một giáo lý tùy thuộc những người đang sống và thể hiện nó. Phật giáo phát huy được tiềm năng của mình khi nào những người đang sống lời Phật dạy xác định được chức năng xã hội của giáo lý mình thể hiện.

Trên căn bản giáo lý nhà Phật không có gì đối chọi với tinh thần khoa học. Nhưng Phật giáo không phải là khoa học. Chức năng khác, cách chứng thực cũng khác. Sự thực khoa học chứng qua thực nghiệm. Hoàn toàn khác từ tinh thần, lý thuyết, đến thực hiện với thể nghiệm "đạo". Sự thực thể nghiệm là một sự thực chủ quan, bản chất khác với sự thực khoa học. Khoa học thay đổi bộ mặt toàn cầu. Tuy nhiên, trong hiện trạng ngày nay khoa học không thể và cũng không có tham vọng đề nghị một cái nhìn tổng hợp toàn diện cuộc sống. Giáo lý nhà Phật đề nghị một nhận thức tổng thể cuộc sống, là một triết học. Chính vì không phải là khoa học mà Phật giáo làm được cái việc ngoài chức năng của khoa học: đem lại ý nghĩa cho hoạt động thường ngày, cho cuộc sống mỗi con người.

Có triết lý của mình, nhưng khác với các hệ triết học nhà Phật còn một kho kinh nghiệm phong phú về phương thức, kỹ thuật sử dụng những động tác đơn giản, hô hấp, đi, đứng, ngồi, nằm... để thể hiện triết lý của mình trong thân xác, trong cuộc sống hằng ngày, trong mỗi người. Đề nghị một hành trình thể hiện chứ không chỉ duy nhất là một hệ tư tưởng thuần lý, một bộ phận giáo lý nhà Phật có những nét hấp dẫn đối với tinh thần thời đại.

Là một tôn giáo, có đầy đủ nghi lễ, nhưng người Phật tử không phải đặt lòng tin vào một uy lực cao siêu nào ngoài con người, ngoài bản thân mình.

Có biết mình, biết người, cộng đồng Phật tử mới bỏ rơi được mặc cảm tự ti và tự tôn, không hao tổn tâm thần năng lực vào những cuộc tranh biện sân si, xác định vị trí và chức năng của giáo lý nhà Phật so với khoa học, với các hệ triết học, các tôn giáo khác. Khi ấy mới an nhiên đem tinh thần Như Lai thể hiện ra trong nếp sống hàng ngày, trong muôn mặt của cuộc sống. Và góp phần vào công cuộc chuyển hoá nền văn hoá thời đại.

#### **2. Sống thời đại**

Muốn được vậy phải đau cái đau thời đại, khổ cái khổ thời đại, dẫn vật với các vấn đề thời đại. Tóm lại phải sống thời đại.



Truyền thống hai mươi lăm thế kỷ của đạo Phật là một ốc đảo để ẩn náu, an tâm cho những ai mệt mỏi, khiếp sợ trước các chấn động của một thời đại đang oằn oại chuyển tiếp. Cái nguy lớn của Phật giáo chính là đó: mặt quay về quá khứ, day lưng với thời đại, mẫn nguyện với việc làm nơi ẩn trú cho những người trốn sống thời đại. Và chỉ có thế mà thôi, ngoài ra không còn chi khác.

Nay chính là lúc cần chí khí ngất trời xanh của những người đem đạo vào đời trong những thời điểm khác thường. Khi tinh thần Phật thấm nhuần vào Trung Quốc, nở ra Thiền tông, các tổ như ngài Lâm tế (? -> 867?) nói đạo bằng câu chữ hàng ngày của người nông dân cho người thời đại bưng mắt nhận ra đâu là tinh thần Như Lai. Khi văn hoá đất Việt hưng lên với một dân tộc độc lập, đời Lý thiền sư Quảng Nghiêm ( 1121- 1190) nhấn nhủ "Nam nhi tựu hữu xung thiên khí"(Làm trai chí khí xông trời thăm). Đời Trần, ta gặp thần thái thanh thoát ấy nơi Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Tung (1230 - 1291), thầy của tổ sáng lập ra phái thiền Việt Nam Trúc Lâm, Điều Ngự giác hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308). Trong một bữa tiệc của thái hậu mà cũng là em ruột thượng sĩ thết đãi, Tuệ Trung gặp thịt cứ ăn. Thái hậu lấy làm lạ hỏi: "Anh tu thiền mà ăn thịt thành Phật sao được ?" Thượng sĩ cười đáp: "Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm Phật, Phật chẳng cần làm anh." Thời Phật, thời tổ, thời Lý-Trần đã qua, và không bao giờ trở lại, thời đại là của bây giờ. Tinh thần đức Phật chỉ có giá trị qua cọ sát với thực tại. Có lẫn vào giải quyết những vấn đề cụ thể đang đặt ra cho con người, mới nảy ra cái nhìn "như lai" sự việc hôm nay. Mới bật ra lời lẽ đi vào con tim con người đang mò mẫm tìm đường. Phải thông giáo lý nhà Phật, đã đành. Công trình xuất bản kinh tạng Pali dịch qua tiếng Việt của hoà thượng Minh Châu, dự án dịch và xuất bản hệ tam tạng sanskrit của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam là một bước tiến cho ai ai cũng có thể tiếp cận những tư liệu gốc một cách trực tiếp.

Nhưng, có soi qua gương mặt người mới nhận rõ ra mặt mình, có đem tư tưởng nhiều ít sáo mòn của mình đọ với các luồng tư tưởng hiện hành mới sáng lên sức sống của tư tưởng Phật, nơi đây và ngay bây giờ.

### **Công cuộc còn bỏ dở.**

Thời nào cũng phải thích nghi phương pháp tu dưỡng cho thời đại mình. Không biết tự bao giờ phật tử Việt Nam chào nhau bằng câu "A Di Đà Phật". Chỉ biết chắc chắn rằng chẳng phải do ngẫu nhiên. Có gì khắc khoải cho con người bằng khi phải mặt đối mặt với thân phận làm người. Cái ý phải tin vào sức mình, không ai, kể cả đức Phật có thể làm thay cho được tiềm tàng trong lời Phật dạy, nhưng cũng ý đó bắt con người phải đối diện với chính mình. Tịnh độ tông khéo léo tránh né điểm khó này bằng thuyết "tha lực", nhờ sức của người khác, nhờ Phật A Di Đà dẫn vào đất an lành.

Phương tiện phần nào để dãi ấy có còn thích nghi với tinh thần nghi ngờ thành hệ thống của con người ngày nay hay chẳng ? Dù muốn dù không, vấn đề phương cách "hành đạo" cho con người hiện đại cũng đặt ra. Những phương tiện hay nhất thường tìm thấy được ngay trong đời sống hàng ngày, trong nghề nghiệp. Người võ sĩ Nhật samourai, kẻ kè lưỡi kiếm, theo nghề chém giết. Phật giáo nhập sâu vào văn hoá thì người samourai học và thể hiện Thiền không đâu ngoài đường kiếm. Khi người võ sĩ đã thấm nhuần tinh thần Thiền, người ấy vào giữa làn đao, mưa đạn với cái an nhiên của kẻ siêu việt cái sống và cái chết với lưỡi kiếm uy lực như sấm sét.

Phương pháp hành đạo ngày nay là những gì ? Để cho con người tất bật của thời đại thể hiện được tinh thần Như Lai: sự việc ra sao, thấy y như vậy, hồn nhiên mà thích nghi ?

Những tâm nhìn thanh thoát các vấn đề thời đại đang đặt ra, một nghệ thuật sống an lành đi vào muôn mặt của cuộc sống thường ngày, những phương pháp tu dưỡng thích nghi với mọi lớp người trong xã hội hiện đại, đó là thách thức mà thực tại đặt ra cho trí tuệ cộng đồng Phật tử. Giải đáp chính là phần Phật giáo góp vào nền văn hoá thời đại.

Bùi Mộng Hùng